

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NAM SÁCH  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2024

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Diệp.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Huệ và ông Hoàng Công Sáu

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Công – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 61/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/4/2014 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐHPTST-DS ngày 29/8/2024 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Anh **Bùi Ngọc L**, sinh ngày 04/8/1987;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: **Thôn T, xã Y, huyện L, tỉnh Yên Bái.**

*- Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 09/6/1986;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.**

*Anh L có đơn đề nghị vắng mặt; chị H vắng mặt.*

*- Người làm chứng:* Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1950 và bà **Phạm Thị H1**, sinh năm 1962; địa chỉ: **Thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.** Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh **L1** bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị **Nguyễn Thị H** trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn 11/12/2013, tại **ủy ban nhân dân xã Y, L, Yên Bái**. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc khoảng thời gian là ba tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị **H** ham chơi lô đề mà khi tìm hiểu để cưới anh không tìm hiểu kỹ, khi về nhà chị **H** thường xuyên đòi anh phải đưa tiền, một vài lần đầu anh đưa, tuy nhiên do kinh tế khó khăn và anh cũng không thể đáp ứng được nhu cầu của chị **H** thì chị **H** quay ra chửi bới anh và cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, anh và chị **H** ly thân chỉ sau ba tháng chung sống và kể từ đó đến nay chị **H** không về nhà anh nữa, anh đã nhiều lần liên hệ với chị **H** để về giải quyết ly hôn, tuy nhiên chị **H** hứa xong lại không về, nay chị chỉ biết chị **H** hiện vẫn có hộ khẩu thường trú ở **xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương** và đi làm ăn xa thi thoảng có về nhà, chị **H** vẫn liên lạc với bố đẻ chị **H**. Tuy nhiên cả anh và bố chị **H** đều không biết địa chỉ cụ thể ở đâu, hỏi chị **H** cũng không nói mà chỉ bảo đi làm ăn ở Lạng Sơn, Lào Cai. Tháng 6 năm 2023, anh đã làm đơn ly hôn gửi Tòa án nhân dân huyện Nam Sách đến tháng 10 năm 2023, anh đã rút đơn để vợ chồng có cơ hội hòa giải nhưng chị **H** không hòa giải và không gặp anh. Nay anh và chị **H** không còn tình cảm vợ chồng nữa và đề nghị Tòa giải quyết cho anh được ly hôn với chị **H** để anh sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Biên bản ghi lời khai của ông **Q**(bố đẻ chị **H**) và bà **H1** (mẹ kế) thể hiện:* Ông **Q** là bố đẻ của chị **Nguyễn Thị H** và là bố vợ của anh **Bùi Ngọc L**, bà **H1** là vợ hai của ông **Q**, đang sống cùng nhà với ông **Q**. Anh **L** và chị **H** trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Y, L, tỉnh Yên Bái** vào 2013. Sau khi cưới anh **L** và chị **H** sinh sống tại gia đình nhà chồng ở Yên Bái. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn hay không gia đình không nắm được và chỉ biết anh chị mâu thuẫn nhau hơn một năm nay. Nguyên nhân chủ yếu là do anh **L** không có tiền cho chị **H** tiêu xài nên chị **H** không ở với anh **L** và hai vợ chồng sống ly thân. Hiện chị **H** có hộ khẩu thường trú tại **thôn V, xã H, huyện N**. Tuy nhiên chị **H** đi làm ăn xa ở Lào Cai

nhưng làm gì, địa chỉ cụ thể thế nào ông bà không biết, hỏi chị H cũng không nói, chị H thì thoảng có liên lạc với gia đình qua điện thoại, chị H nói đồng ý ly hôn nhưng lại không chịu về để giải quyết, anh L chuyên tiền cho chị H để lấy tiền đi lại về giải quyết nhưng chị H vẫn không về. Nay anh L làm đơn xin ly hôn, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh L ly hôn để anh L sớm ổn định cuộc sống vì chị H, anh L không còn tình cảm vợ chồng và cũng không còn liên lạc gì với nhau. Ông bà đã thông báo cho chị H về việc Tòa án Thụ lý vụ án và Giấy triệu tập chị H đến tòa án để làm việc nhưng chị H nói không về được và đề nghị giải quyết vắng mặt. Chị H, anh L không có con chung và tài sản gì. Tòa án đã gửi thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử cho chị H, ông bà đã liên hệ và thông báo cho chị H biết. Tuy nhiên chị H vẫn không về được và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

*Bà Văn Thị T – mẹ đẻ của anh L có văn bản gửi Tòa án thể hiện:* Bà là mẹ đẻ của anh Bùi Ngọc L và là mẹ chồng của chị Nguyễn Thị H. Trước khi kết hôn anh L và chị H có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện L, tỉnh Yên Bái vào ngày 11/12/2013. Sau khi cưới anh chị sống tại gia đình nhà bà. Khi ở với gia đình nhà bà thì giữa anh chị không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, khoảng 03 tháng sau thì không hiểu lý do gì chị H đi ra khỏi nhà bà, khi đi chị H chỉ nói đi lấy đồ về bán hàng và từ đó đến nay không quay lại nhà bà nữa. Bà hỏi anh L thì anh L nói chị H không muốn ở cùng anh L vì chị H ham chơi, không chịu làm ăn và chơi cả lô đề nên thường xuyên yêu cầu anh L phải đưa tiền. Do không thể đáp ứng được nhu cầu của chị H thì chị H chửi bới anh L. Từ đó cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Bà đã gọi điện cho mẹ đẻ chị H để nói chuyện và gọi cả cho chị H để khuyên bảo, hòa giải nhưng được một hai lần thì cả chị H và mẹ đẻ chị H chặn số điện thoại. Từ đó đến nay gia đình hai bên không còn qua lại nữa. Nay bà được biết anh L, chị H ly thân từ đầu năm 2014. Hiện chị H ở đâu bà và gia đình không biết chỉ nghe nói đi làm ăn xa. Nay anh L làm đơn xin ly hôn quan điểm của bà đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết cho anh L ly hôn với chị H để anh L sớm ổn định cuộc sống. Anh L và chị H không có con chung, tài sản chung hay khoản nợ chung nào. Công sức đóng góp gia đình hai bên cũng không có.

*Xác minh tại chính quyền địa phương xã Hồ N thể hiện:* Chị H hiện có đăng ký thường trú tại thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương, theo quản lý cư trú của Công an xã chị H không khai báo tạm trú tại nơi khác, tại thời điểm xác minh chị H có sinh sống thường xuyên tại nơi đăng ký thường trú hay không thì

Công an xã H không nắm được. Chị H và anh L là vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Quá trình chung sống giữa chị H và anh L có mâu thuẫn nhau hay không thì địa phương không nắm được, khi anh L làm đơn xin ly hôn cũng không yêu cầu hòa giải cơ sở lên nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm được. Qua nắm bắt thông tin được biết chị H hiện đi làm ăn xa, không biết địa chỉ ở đâu nhưng được biết anh chị đã sống ly thân và không có con chung. Anh L2 đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Công văn của Cục Q1 xác định chị H có 29 lượt xuất nhập cảnh, lần gần nhất xuất cảnh và nhập cảnh ngày 08/4/2024 qua cửa khẩu H3.

Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Anh chị không có con chung và tài sản nên anh không yêu cầu giải quyết

Chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Ngọc L.X cho anh Bùi Ngọc L được ly hôn với chị Nguyễn Thị H; về con chung, tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; Về án phí: Anh L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Bùi Ngọc L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết việc hôn nhân của anh với chị Nguyễn Thị H; chị H có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ

án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách. Quá trình giải quyết vụ án, chị H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản như thông báo, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho chị H2 thân của chị H tuy nhiên chị H đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho chị H nhưng chị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, anh L có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*[2] Về nội dung:*

*Về quan hệ vợ chồng:* Anh Bùi Ngọc L và chị Nguyễn Thị H được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện L, tỉnh Yên Bái vào năm 2013. Do vậy, quan hệ hôn nhân của chị H và anh L là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H ham chơi lô đề, chị H thường xuyên đòi anh L phải đưa tiền, một vài lần đầu anh L đưa, tuy nhiên do kinh tế khó khăn, anh L không thể đáp ứng được nhu cầu của chị H thì chị H quay ra chửi bới và cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Đến tháng 6 năm 2023, anh L có làm đơn ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Nam Sách. Đến tháng 10 năm 2023, anh L rút đơn để vợ chồng có cơ hội hoà giải nhưng chị H không gặp anh và cũng không hoà giải. Anh L và chị H ly thân chỉ sau ba tháng chung sống và kể từ đó đến nay chị H không về nhà anh L nữa. Anh L đã nhiều lần liên hệ với chị H để về giải quyết ly hôn, tuy nhiên chị H hứa xong lại không về, anh L và gia đình chị H cũng chỉ biết chị H hiện vẫn có hộ khẩu thường trú ở xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương và đi làm ăn xa còn không biết địa chỉ cụ thể ở đâu, hỏi chị H cũng không nói mà chỉ bảo đi làm ăn ở Lạng Sơn, Lào Cai. Do vậy, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, nên HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L, xử cho anh Bùi Ngọc L được ly hôn với chị Nguyễn Thị H phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

*Về con chung:* Anh L và chị H không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

*Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên:* Anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

*Về án phí:* Anh **L** xin ly hôn nên phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Bùi Ngọc L**

- *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho anh **Bùi Ngọc L** được ly hôn với chị **Nguyễn Thị H**

- *Về con chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về án phí:* Anh **Bùi Ngọc L** phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0001368 ngày 09/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách. Anh **L** đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Anh **L**, chị **H** vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Nam Sách;
- Chi cục THADS huyện Nam Sách;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Thắng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (để lưu hồ tịch);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Điệp**

